TÒA ÁN ND TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 352/2018/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 427/2018/TLST/HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Mạnh T, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Tổ E, phường P, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Phạm Thanh Lệ T, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ E, phường P, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Mạnh T và chị Phạm Thanh Lệ T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Quan hệ hôn nhân: anh T và chị T nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Quan hệ con chung: Có 01 con chung là Trần Hà L, sinh ngày 18/01/2013. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận anh T là người trực tiếp

nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh T nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; hoàn trả anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006480 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TPTN;
- TAND tỉnh TN;
- T.H.A DS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Cương;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà